

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số thành phố Hải Phòng năm 2026

Phần I
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2025

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU NĂM 2025

1. Về Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động

Thực hiện các kế hoạch chương trình, đề án về phát triển chính quyền số của cấp trên, lãnh đạo thành phố Hải Phòng đã chỉ đạo các cấp, các ngành, địa phương triển khai nhiệm vụ được giao và đã đạt được nhiều kết quả tích cực:

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động, vượt chỉ tiêu đã đề ra.
- 1.128/1.149 (98,17%) thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến toàn trình.
- 83,77% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến.
- Tỷ lệ xử lý công việc trên môi trường mạng cấp thành phố đạt 94,67%, cấp xã đạt 87,14%, vượt chỉ tiêu đã đề ra.
- 100% báo cáo định kỳ, báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố được thực hiện qua Hệ thống thông tin báo cáo của thành phố; kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Hệ thống thông tin báo cáo thành phố với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ;
- 92,72% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa theo quy định.
- Tỷ lệ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính đạt 99,17%.
- 100% hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên triển khai đầy đủ các phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ.
- Các cơ sở dữ liệu dùng chung đã xây dựng hoàn thiện đều được kết nối, chia sẻ trên toàn thành phố, từng bước chia sẻ dữ liệu của các cơ quan nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời phục vụ người dân và doanh nghiệp để phát triển kinh tế xã hội.
- Nhiều hoạt động kiểm tra của cơ quan nhà nước thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý: giám sát, kiểm tra việc

giải quyết công việc trên hệ thống quản lý văn bản điều hành, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thành phố, các hệ thống quản lý chuyên ngành của các ngành.

- Kết quả đánh giá chỉ số chuyển đổi số của thành phố Hải Phòng xếp thứ 3/34 tỉnh/thành phố (đạt giá trị 0,7857).

2. Về Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Kinh tế số chiếm 30% GRDP.

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực và năng suất lao động tăng lên hàng năm theo đà phát triển kinh tế số chung của thành phố.

3. Về Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G khu vực trung tâm thành phố, nhiều thiết bị thông minh đăng ký dịch vụ 5G.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2025

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số tại các sở, ngành, địa phương

a) Kết quả đạt được:

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố xác định là nhiệm vụ trọng tâm, đột phá. Các cơ quan, đơn vị đã tích cực tham mưu với cấp có thẩm quyền thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo và ban hành các văn bản để triển khai có hiệu quả nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố.

Thành ủy, Ban Chỉ đạo thành phố và Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố đã triển khai đồng bộ, quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm, huy động được sự tham gia của cả hệ thống chính trị trong việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, Quyết định số 204-QĐ/TW và Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo được chú trọng, kế hoạch hành động và các văn bản chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền và Ban Chỉ đạo các cấp được ban hành kịp thời tạo thuận lợi trong việc triển khai thực hiện. Ban Chỉ đạo thành phố, các tổ công tác chuyên đề, Ban Chỉ đạo cấp xã được thành lập kịp thời và đi vào hoạt động hiệu quả; việc cập nhật tiến độ, kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW trên các hệ thống giám sát trực tuyến của Trung ương được duy trì thường xuyên, nghiêm túc.

b) Tồn tại, hạn chế: Quá trình triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW vẫn còn khó khăn sau hợp nhất. Do việc sắp xếp, hợp nhất đơn vị hành chính 2 cấp phần nào ảnh hưởng đến tiến độ, một số nhiệm vụ cần điều chỉnh để phù hợp thực tiễn.

2. Về công tác hoàn thiện thể chế số

2.1. Công tác xây dựng, ban hành các chương trình/đề án/kế hoạch, chính sách để thúc đẩy chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

Thành phố đã xây dựng, ban hành kịp thời các chương trình/đề án/kế hoạch, chính sách để thúc đẩy chuyển đổi số:

- Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND, ngày 21/02/2025 của Hội đồng nhân dân (HĐND) thành phố quy định mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách thành phố; nội dung Nghị quyết phù hợp với quy định của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ và khả năng thực tiễn cân đối, bố trí ngân sách thành phố cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn.

- Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 26/10/2025 của HĐND thành phố quy định nội dung, mức, thời gian, tiêu chí và đối tượng được hưởng ưu đãi về đất đai đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn Thành phố.

- Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND ngày 26/10/2025 của HĐND thành phố quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục ưu đãi thuế đối với các hoạt động khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo, vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ngày 26/10/2025 của HĐND thành phố quy định phương thức, điều kiện, nội dung, mức và trình tự, thủ tục hỗ trợ không hoàn lại từ ngân sách thành phố cho các tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố.

- Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 26/10/2025 của HĐND thành phố quy định nội dung, mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ, tiêu chí và đối tượng được hỗ trợ thuê trực tiếp tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ không thông qua đấu giá để hoạt động.

- Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 26/10/2025 của HĐND thành phố về phê duyệt đề án thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm thành phố Hải Phòng và quy định cơ chế tổ chức hoạt động của Quỹ Đầu tư mạo hiểm, trách nhiệm kiểm tra, giám sát, báo cáo kết quả thực hiện.

- Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 26/10/2025 của HĐND thành phố quy định chính sách phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo trên địa bàn thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2025 – 2030;

- Kế hoạch số 447-KH/TU ngày 09/4/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng;

- Kế hoạch số 01-KH/BCĐ ngày 26/8/2025 của Ban Chỉ đạo thành phố về thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW của Ban Chỉ đạo Trung ương;

- Kế hoạch số 238/KH-UBND ngày 13/9/2025 của UBND thành phố về việc thực hiện Kế hoạch hành động số 12-KH/TU ngày 26/8/2025 của Ban

Thường vụ Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Kế hoạch số 250/KH-UBND ngày 23/9/2025 của UBND thành phố về thực hiện Kế hoạch số 01-KH/BCĐ ngày 26/8/2025 của Ban Chỉ đạo thành phố về thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW;

- Kế hoạch số 215/KH-UBND ngày 25/8/2025 của UBND thành phố về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển số trong các cơ quan nhà nước thành phố Hải Phòng 6 tháng cuối năm 2025.

Các chính sách đột phá, đặc thù sẽ là một lợi thế cạnh tranh để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của thành phố. Sở tham gia rà soát và đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực quản lý, đồng thời rà soát và sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật để phù hợp với quy định hiện hành.

b) Tồn tại, hạn chế: một số cơ chế, chính sách tài chính cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chưa linh hoạt, thủ tục phân bổ, giải ngân còn phức tạp. Do nhiều chính sách, hướng dẫn, tiêu chuẩn kỹ thuật từ Trung ương ban hành còn chậm; một số nhiệm vụ phụ thuộc vào sự phối hợp liên ngành, liên cấp. Một số cơ chế, chính sách đặc thù mới được Quốc hội thông qua, chưa kịp triển khai vào thực tiễn.

2.2. Công tác tổ chức triển khai thực hiện

Các quy định, chính sách liên quan đến chuyển đổi số và thể chế số nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình số hóa các hoạt động quản lý nhà nước, dịch vụ công, cũng như các hoạt động kinh tế - xã hội.

Các chương trình, kế hoạch chuyển đổi số đã được thành phố đưa ra với mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn, ví dụ như lộ trình phát triển chính quyền điện tử, xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung và hệ thống thông tin quản lý.

Trong quá trình triển khai thể chế số, trách nhiệm đã được phân chia cho các sở, ban, ngành và địa phương, nhằm bảo đảm sự phối hợp nhịp nhàng giữa các đơn vị trong việc triển khai chuyển đổi số.

3. Hạ tầng số

a) Kết quả đạt được:

Tăng cường triển khai hạ tầng 5G, IoT, Internet băng rộng cố định tốc độ cao trên 1Gb/s; triển khai khắc phục tồn tại, hạn chế liên quan đến hạ tầng và chất lượng dịch vụ viễn thông tại Trung tâm Chính trị - Hành chính thành phố.

Hạ tầng viễn thông trên địa bàn thành phố được xây dựng hiện đại, dung lượng và tốc độ lớn; mạng Internet băng thông rộng cáp quang đã được phát triển rộng khắp đến 100% xã, phường, đặc khu trên địa bàn thành phố; mạng 5G được triển khai tại khu vực trung tâm, hạ tầng mạng thông tin di động được các

doanh nghiệp viễn thông đầu tư mở rộng khắp trên địa bàn thành phố¹. Các doanh nghiệp tiếp tục đầu tư, nâng cấp mạng lưới truyền dẫn, nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, trong đó đã triển khai mới khoảng 400 km tuyến cáp quang truyền dẫn; tốc độ Download tiếp tục duy trì ở mức 313,04 Mbps, Tốc độ Upload duy trì ở mức 233,41 Mbps; số thuê bao di động truy cập internet băng rộng, số thuê bao di động lớn thứ 4 cả nước².

Về hạ tầng viễn thông thụ động: Từ đầu năm đến nay toàn thành phố đã đầu tư xây dựng 680 tuyến cống, bể, hào, tuynel kỹ thuật với tổng chiều dài 1.749 km; trong đó đầu tư từ nguồn ngân sách thành phố và của các địa phương được 09 tuyến với chiều dài 40 km, đầu tư từ nguồn xã hội hóa được 671 tuyến với chiều dài 1.709 km³. Đến nay, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động cơ bản bảo đảm chất lượng, ổn định đáp ứng các nhiệm vụ chính trị của thành phố và nhu cầu sử dụng các dịch vụ viễn thông cơ bản của mọi tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

Chỉ đạo các doanh nghiệp triển khai phương án phòng, chống bão, mưa, lũ, phương án ứng cứu thông tin và phương án bảo đảm thông tin liên lạc bưu chính, viễn thông phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của các cơ quan Đảng, chính quyền thành phố.

Đảm bảo hạ tầng số triển khai các nhiệm vụ chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số của thành phố và phục vụ các sự kiện của thành phố. Trong đó nổi bật:

+ Đảm bảo hạ tầng thông tin phục vụ vận hành mô hình chính quyền hai cấp, nhất là triển khai Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến cho toàn thành phố với 232 điểm cầu kết nối từ Trung ương đến thành phố và cấp xã; hoàn thành lắp đặt hệ thống hội nghị truyền hình thứ 2 cho cấp xã và một số sở, ngành; triển khai việc thiết lập hội nghị truyền hình thứ 3 cho cấp xã và các sở, ngành⁴.

+ Triển khai hệ thống giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW. Hướng dẫn các xã, phường, đặc khu về danh mục thiết bị hạ tầng mạng nội bộ (LAN) cấp xã và thiết bị camera giám sát tại Trung tâm phục vụ hành

¹ Từ đầu năm đến nay các doanh nghiệp đã đầu tư bổ sung mới gần 1000 trạm BTS, nâng tổng số trạm BTS trên toàn thành phố lên 5.543 trạm, trong đó có gần 900 trạm 5G; đến hiện tại tốc độ Download đạt 313,04 Mbps tăng 217,12 Mbps, tốc độ Upload đạt 233,41 Mbps.

² Tổng số thuê bao điện thoại trên địa bàn thành phố: 4.771.582 thuê bao (thuê bao cố định: 73.710 thuê bao; thuê bao di động: 4.697.872 thuê bao); Tổng số thuê bao Internet trên địa bàn thành phố: 5.245.239 (thuê bao Internet cố định: 1.093.261 thuê bao; thuê bao Internet di động: 4.151.978 thuê bao); Số thuê bao Internet băng rộng cố định FTTH là hộ gia đình: 1.040.509 thuê bao; Tỷ lệ hộ gia đình có Internet băng rộng cố định FTTH trung bình đạt: 85,44%.

³ Trong đó, thực hiện ngầm hóa 100% cáp viễn thông song song, đồng bộ với ngầm hóa cáp điện và cải tạo hè đường tại 36 tuyến đường với tổng chiều dài khoảng 70 km (trong đó 09 tuyến đường với tổng chiều dài khoảng 40 km được đầu tư từ ngân sách thành phố và ngân sách của các địa phương; 27 tuyến đường với tổng chiều dài 30 km được đầu tư từ nguồn xã hội hóa)

⁴ Từ 1/7/2025 đến nay, phục vụ 271 phiên họp, trong đó có 86 phiên kết nối từ Trung ương, Thành phố đến 114 xã phường, đặc khu.

chính công cấp xã nhằm bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về trang thiết bị, phủ xanh cấp xã theo Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025.

+ Thực hiện duy trì vận hành ổn định Trung tâm Dữ liệu; triển khai hệ thống dashboard quản lý trung tâm dữ liệu theo thời gian thực. Thực hiện giám sát giám sát ATTT cho Trung tâm dữ liệu (SOC) với 11 hệ thống.

+ Hệ thống phần mềm IOC: Hệ thống được cài đặt, vận hành tại Trung tâm dữ liệu DC tại Trung tâm Văn hóa Xứ Đông. Đã hoàn thiện và đưa lên IOC phục vụ chỉ đạo điều hành của lãnh đạo thành phố với 12 nhóm chỉ tiêu. Phối hợp cùng các đơn vị tạo lập tài khoản sử dụng hệ thống Giám sát điều hành thông minh (IOC) cho các Sở, ngành và các xã, phường, đặc khu.

+ Hệ thống dịch vụ xác thực và định danh điện tử người dân, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng thực hiện kết nối 09 nền tảng chính quyền số thông qua hệ thống SSO; 21 hệ thống của 11 đơn vị hoàn thành việc tích hợp vào hệ thống với nền tảng xác thực và định danh điện tử. Đã cài đặt, cấu hình và triển khai hệ thống dịch vụ xác thực và định danh điện tử người dân, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng (hệ thống SSO) trên hạ tầng điện toán đám mây (Cloud). Thực hiện kết nối các nền tảng chính quyền số thông qua hệ thống SSO⁵.

+ Hệ thống Kho dữ liệu dùng chung thành phố Hải Phòng: Thực hiện Quyết định số 4611/QĐ-UBND ngày 28/12/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung thành phố Hải Phòng, phối hợp với các đơn vị cập nhật 296 bộ dữ liệu của các sở ban, ngành vào kho dữ liệu dùng chung của thành phố để khai thác, vận hành. Triển khai hợp nhất Kho dữ liệu của Hải Phòng và Hải Dương (cũ)⁶.

+ Hệ thống cổng dữ liệu mở thành phố Hải Phòng: Thực hiện Quyết định số 1970/QĐ-UBND ngày 10/6/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc Ban hành Danh mục dữ liệu mở thành phố Hải Phòng, Sở đã triển khai hệ thống Cổng dữ liệu mở thành phố Hải Phòng tại địa chỉ <https://data.haiphong.gov.vn/>.

+ Hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá dịch vụ chính quyền số: Đã thực hiện cấu hình bộ chỉ số chấm điểm DTI của Bộ Khoa học và Công nghệ. Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành bộ chỉ số đánh giá DTI cho các đơn

⁵ Hệ thống cổng dữ liệu mở thành phố Hải Phòng; Hệ thống phát triển kỹ năng số thành phố Hải Phòng; Hệ thống các ứng dụng trên nhiều nền tảng số để cung cấp dịch vụ cho người dân doanh nghiệp thành phố Hải Phòng; Hệ thống kho dữ liệu của công dân, tổ chức khi thực hiện các giao dịch trực tuyến với các cơ quan nhà nước; Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu (LGSP) thành phố Hải Phòng; Hệ thống ứng dụng đa nền tảng phục vụ điều hành, quản lý tổng thể của chính quyền; Phần mềm phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động; Hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá dịch vụ chính quyền số; Hệ thống Kho dữ liệu dùng chung thành phố Hải Phòng.

⁶ Đã thực hiện các nội dung sau: Đánh giá hạ tầng, phần mềm, cơ sở dữ liệu, cách tổ chức dữ liệu, kết nối API, cơ chế phân quyền của mỗi tỉnh/thành phố; xác định điểm chung và khác biệt giữa 2 hệ thống; chuẩn hóa & quy hoạch lại dữ liệu (Chuẩn hóa người dùng SSO, chuẩn hóa đơn vị). Xử lý dữ liệu trùng lặp, bổ sung, đối chiếu, làm sạch dữ liệu. Xây dựng lại danh mục người dùng, nhóm vai trò theo cơ cấu tỉnh mới. Cập nhật API, quy trình truy xuất/chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống.

vị, địa phương, từ đó làm cơ sở tổ chức đánh giá kết quả xếp hạng các đơn vị trong năm 2025 và các năm tiếp theo.

+ Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu (LGSP) thành phố Hải Phòng: Thường xuyên theo dõi, quản trị hệ thống, giám sát các giao dịch đi qua trực LGSP. Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu qua các hệ thống trong dự án chính quyền số. Đã cấu hình kỹ thuật, kiểm thử 30 dịch vụ từ các hệ thống thông tin và đang thực hiện kế hoạch cấu hình chính thức.

+ Hệ thống phân tích và xử lý dữ liệu tổng hợp, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động: Truy cập hệ thống phân tích và xử lý dữ liệu tổng hợp để theo dõi các chỉ tiêu về Hành chính công, dữ liệu Kinh tế- xã hội theo yêu cầu của Lãnh đạo các cấp⁷.

- Hạ tầng bưu chính thường xuyên được củng cố, xây dựng và phát triển. Đến nay, trên địa bàn thành phố có 50 doanh nghiệp đang hoạt động trong lĩnh vực bưu chính dưới nhiều hình thức khác nhau. Các doanh nghiệp bưu chính đã xây dựng và duy trì một hệ thống điểm phục vụ bưu chính rộng khắp, tạo điều kiện thuận lợi để dịch vụ bưu chính tiếp cận kịp thời đến tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trên toàn thành phố⁸.

b) Tồn tại, hạn chế: Trên địa bàn thành phố hiện có 16 điểm lữm sóng, đã xử lý được 9 điểm, còn 7 điểm lữm sóng chưa được xử lý.

4. Về công tác bồi dưỡng, phát triển nhân lực

a) Kết quả đạt được:

Thành phố Hải Phòng triển khai, hướng dẫn các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc ngành quản lý trên địa bàn thành phố thực hiện xây dựng chương trình đào tạo về chuyển đổi số để giáo viên và học sinh có các kỹ năng số; trong đó, phân đầu toàn bộ đội ngũ cán bộ quản lý, giảng dạy được đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số, có kỹ năng số để trở thành lực lượng nòng cốt góp phần hình thành công dân số.

Triển khai nhiều chương trình tập huấn về chuyển đổi số trên các nền tảng học trực tuyến của Bộ Khoa học và Công nghệ, của UBND thành phố, tổng số có hơn 160.000 người tham gia tập huấn. Đồng thời, các xã, phường, đặc khu triển khai các lớp tập huấn kiến thức chuyển đổi số, kỹ năng số cho người dân và doanh nghiệp đáp ứng nhu cầu hiện nay.

Ngành giáo dục thành phố đã từng bước nâng cấp hệ thống phòng học chuyên biệt (STEM, tin học, ngoại ngữ), trang bị máy tính, máy chiếu, bảng tương tác và các thiết bị công nghệ phục vụ dạy học tích cực. Các câu lạc bộ khoa học, STEM và đổi mới sáng tạo đã được thành lập và duy trì hoạt động

⁷ Sở Khoa học và Công nghệ đã làm việc với Sở Tài chính, Cục Thống kê hoàn thành phân tích dữ liệu trên địa bàn thành phố Hải Phòng theo 03 mô hình dữ liệu

⁸ với 353 bưu cục, 23 đại lý, 309 điểm bưu điện văn hóa xã và 26 điểm phục vụ khác với bán kính phục vụ bình quân khoảng 1,2 km/điểm phục vụ; số dân phục vụ bình quân là 6.571 người/điểm phục vụ.

thường xuyên, tổ chức ít nhất 2 hoạt động/ học kỳ, tạo môi trường khuyến khích học sinh sáng tạo và nghiên cứu khoa học.

Tăng cường Giáo dục STEM trong trường phổ thông giúp học sinh nâng cao năng lực số thông qua thực hành công nghệ, lập trình, và tư duy sáng tạo, tăng cường ứng dụng khoa học và kỹ thuật vào giải quyết vấn đề phức tạp. Từ 15/3 đến 15/4/2025, toàn ngành đã triển khai trên 100 hoạt động giảng dạy Stem trong các trường phổ thông. Triển khai các cuộc thi “HACKATHON AI IN EDUCATION 2025” và cuộc thi “ROBOTACON First Lego League 2025” với sự tham gia của hàng ngàn học sinh từ các cơ sở giáo dục trên toàn thành phố.

b) Tồn tại, hạn chế:

Một số địa phương chưa huy động được đông đảo người dân tham gia các lớp tập huấn, hướng dẫn trên nền tảng mở đại trà. Việc tiếp thu kỹ năng số nhất là đối với người cao tuổi gặp nhiều khó khăn.

5. Dữ liệu số

a) Kết quả đạt được:

Triển khai xây dựng Kho dữ liệu dùng chung của thành phố với 453 bộ dữ liệu của 15 Sở, ban, ngành thành phố, tích hợp lên Trung tâm giám sát và điều hành thông tin (sau đây gọi là Trung tâm IOC), gồm:

- Dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế xã hội: Trung tâm IOC đã được kết nối, thu thập thông tin từ hệ thống thông tin báo cáo của thành phố, và từ các cơ sở dữ liệu báo cáo của các sở, ngành, địa phương.

- Dữ liệu người dân: Trung tâm IOC đã được Bộ Công an đánh giá bảo đảm các điều kiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Hiện Sở Khoa học và Công nghệ đang phối hợp với các đơn vị của Bộ Công an để thực hiện kết nối, khai thác dữ liệu tình hình dân cư của Trung tâm IOC của thành phố với Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Dữ liệu liên thông từ các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin chuyên ngành: Trung tâm IOC đã được kết nối để tổng hợp các nguồn dữ liệu từ Kho dữ liệu dùng chung của thành phố, hệ thống thông tin báo cáo và cơ sở dữ liệu do các sở, ngành, địa phương cung cấp. Trong thời gian qua, Trung tâm IOC đang tập trung tổng hợp, phân tích 10 phân hệ dữ liệu bao gồm:

- (1) Dữ liệu từ hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính;
- (2) Dữ liệu từ hệ thống thông tin báo cáo;
- (3) Dữ liệu từ hệ thống quản lý văn bản điều hành;
- (4) Dữ liệu từ hệ thống theo dõi tiến độ công việc;
- (5) Dữ liệu từ hệ thống quản lý công chức, viên chức;
- (6) Dữ liệu từ hệ thống thu chi ngân sách;
- (7) Dữ liệu từ hệ thống quản lý đầu tư công;
- (8) Dữ liệu từ hệ thống cấp phép đầu tư dự án trọng điểm;
- (9) Dữ liệu ngành Y tế;

(10) Dữ liệu ngành Giáo dục và Đào tạo.

- Chỉ đạo các Sở, ngành: Tư pháp, Nông nghiệp và Môi trường, Nội vụ, Bảo hiểm xã hội, Thuế thành phố Hải Phòng, Ngân hàng nhà nước Việt Nam khu vực số 6, Điện lực, Tài chính... thực hiện làm sạch cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành (dữ liệu hộ tịch, dữ liệu định danh cơ quan, tổ chức, thông tin Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở của hộ gia đình, cá nhân, ...) tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết TTHC và hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

- Khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư: toàn thành phố đã có 3.689.365/3.700.171 người tham gia BHXH, BHYT được xác thực với CSDLQG về dân cư (đạt tỷ lệ 99,71% tổng số người tham gia), không bao gồm lực lượng vũ trang và thân nhân quân đội. Còn 10.806 người chưa được xác thực; 435/435 cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (KCB) BHYT thực hiện tra cứu thông tin thẻ BHYT bằng CCCD với 11.092.820 lượt tra cứu, trong đó có 9.811.706 lượt tra cứu thành công phục vụ KCB BHYT bằng CCCD gắn chip.

- Thành phố đã hoàn thành nhiệm vụ đẩy dữ liệu học bạ số về hệ thống của Bộ GDĐT (đạt tỷ lệ 100% vượt chỉ tiêu của Bộ Giáo dục và Đào tạo 43,84%), hiện là đơn vị dẫn đầu các thành phố trực thuộc Trung ương về kết quả triển khai Học bạ số cấp Tiểu học.

- Thực hiện chuẩn hóa các cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo quy định: xử lý 24.202/26.529 (đạt 91,2%) dữ liệu kết hôn sai lệch giữa Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;

b) Tồn tại, hạn chế:

Một số chỉ tiêu phục vụ chỉ đạo, điều hành được tổng hợp dữ liệu từ tệp excel nên chưa theo thể hiện thời gian thực như chỉ tiêu Giải ngân vốn đầu tư công, Đầu tư vốn FDI, kết quả thực hiện Nghị quyết 57.

6. An toàn thông tin mạng

a) Kết quả đạt được:

Thành lập đội ứng cứu sự cố an toàn, an ninh mạng thành phố Hải Phòng (Quyết định 3147/QĐ-UBND ngày 04/8/2025 của UBND thành phố).

Thành phố đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp bảo đảm an toàn thông tin trên địa bàn thành phố. Bảo đảm an toàn hệ thống thông tin cấp độ 3 đối với Trung tâm dữ liệu thành phố. Triển khai các hoạt động ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng: cảnh báo, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố. Triển khai phần mềm rà quét các hệ thống thông tin, trang thông tin điện tử của các sở, ngành, UBND các xã, phường đặc khu; rà quét các thiết bị máy tính, mạng máy tính tại Trung tâm dữ liệu nhằm kịp thời rà soát các lỗ hổng bảo mật, bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước.

b) Tồn tại, hạn chế:

Một số các xã, phường, đặc khu chưa triển khai đầy đủ các phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

7. Chính quyền số

a) Kết quả đạt được

Thống nhất triển khai các hệ thống thông tin, hạ tầng dùng chung gồm 12 hệ thống, nền tảng và được vận hành bảo đảm thông suốt, hiệu quả. Hệ thống quản lý văn bản, điều hành đã được triển khai đồng bộ đến 100% cơ quan nhà nước từ thành phố tới cấp xã, tích hợp chữ ký số chuyên dùng, bảo đảm 100% văn bản (trừ văn bản mật) được gửi nhận trên môi trường mạng. 100% cán bộ, công chức, viên chức được cấp hộp thư điện tử công vụ để trao đổi công việc. Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến kết nối đến 100% cấp xã phục vụ hiệu quả (tiếp tục triển khai hệ thống hội nghị truyền hình thứ 3 cho các xã). Hệ thống thông tin báo cáo thành phố kết nối liên thông 2 cấp và với Hệ thống báo cáo Chính phủ. Toàn bộ mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn thành phố sẵn sàng hoạt động và cung cấp dịch vụ, bảo đảm liên thông với mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp I (Mạng trục) phục vụ cho hoạt động chính quyền địa phương 2 cấp. Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố kết nối thông suốt, chia sẻ dữ liệu với Cổng dịch vụ công quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, cơ sở dữ liệu dân cư, cơ sở dữ liệu tư pháp, cơ sở dữ liệu đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống VNeID, Hệ thống giám sát EMC.

Hoàn thành cấu hình, kiểm tra các kết nối với trực liên thông, máy chủ bảo mật, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, VNeID, các kết nối liên thông với các Bộ, ngành; tích hợp chức năng chữ ký chuyên dùng công vụ cho cán bộ, công chức, viên chức giải quyết thủ tục hành chính; đồng bộ được trạng thái hồ sơ; nhận kết quả trực tuyến; thanh toán trực tuyến. Kết nối, đồng bộ, khai thác các Kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trước đây. Người dân có tái sử dụng được các giấy tờ cũ trong Kho dữ liệu, đã kết nối với Kho quản lý dữ liệu tổ chức, cá nhân của Cổng dịch vụ công quốc gia.

b) Tồn tại, hạn chế:

Một số bộ phận người dân nhất là ở vùng nông thôn, người già, người yếu thể còn chưa quen với việc thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến, cán bộ vẫn phải hỗ trợ, hướng dẫn nhiều.

8. Kinh tế số và Xã hội số

8.1. Về kinh tế số

a) Kết quả đạt được:

Thành phố đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp phổ cập định danh số; thanh toán điện tử; hóa đơn điện tử; chữ ký số và chứng thực chữ ký số,... trong cơ quan nhà nước, đời sống, các hoạt động kinh tế - xã hội. Triển khai giải pháp hoá đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền đối với dịch vụ ăn uống, chống thất thu

thuế, thất thu ngân sách. Ứng dụng công nghệ số vào các lĩnh vực logistics, nông nghiệp và môi trường, du lịch,

Thành phố quan tâm thu hút đầu tư trong phát triển công nghiệp công nghệ cao tại các khu công nghiệp, khu kinh tế. Thu hút đầu tư của Thành phố liên tục đứng top đầu của cả nước đã góp phần tăng cường tỷ trọng kinh tế lõi ICT. Nhiều doanh nghiệp lớn như: Tập đoàn điện tử LG, Fuji Xerox, Haengsung Electronics, VinGroup...hoạt động trong lĩnh vực ICT, kinh tế số hiệu quả đã có nhiều đóng góp vào phát triển kinh tế của thành phố. Một số ngành trọng điểm như sản xuất xe có động cơ, điện tử, thiết bị điện có mức tăng trưởng cao.

Duy trì và vận hành Sàn giao dịch thương mại điện tử thành phố Hải Phòng (Sàn Hoa Phượng) (<https://hoaphuong.gov.vn>) với trên 60 đơn vị, doanh nghiệp và gần 450 sản phẩm đặc sản, OCOP góp phần phát triển kinh tế, quảng bá sản phẩm của địa phương tới người dân toàn quốc và thế giới.

Trên địa bàn Thành phố hiện có 1.557 doanh nghiệp công nghệ số hoạt động; 591 điểm phục vụ bưu chính, 14.747 tên miền .vn⁹

Phương thức thanh toán không dùng tiền mặt được áp dụng rộng khắp trên tất cả các lĩnh vực, đạt được kết quả nổi bật:

- Đối với dịch vụ thu ngân sách nhà nước: 99,2% số thu ngân sách nhà nước (thuế, phí, lệ phí) bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM); 100% số thu nộp vào NSNN tại Chi Cục Hải quan Khu vực III đã thực hiện qua các Ngân hàng thương mại và Hệ thống điện tử, thông quan tự động 24/7; 99% doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân nộp thuế theo phương pháp kê khai nộp NSNN bằng phương thức TTKDTM.

- Đối với dịch vụ thanh toán tiền điện: 91,5% số doanh nghiệp, tổ chức, hộ, cá nhân thanh toán tiền điện bằng phương thức TTKDTM, doanh số TTKDTM đạt 98,8%.

- Đối với dịch vụ thanh toán tiền nước: 86% số doanh nghiệp, tổ chức, hộ, cá nhân thanh toán tiền nước bằng phương thức TTKDTM, doanh số TTKDTM đạt 93%.

- Đối với dịch vụ thanh toán học phí: 100% cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trường đại học, cao đẳng chấp nhận thanh toán học phí bằng phương thức TTKDTM; 100% học phí của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, 86,5% số tiền học phí của cơ sở giáo dục trên địa bàn đô thị được thanh toán bằng phương thức TTKDTM.

- Đối với dịch vụ thanh toán viện phí: 100% cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn đô thị, các bệnh viện và Trung tâm y tế chấp nhận TTKDTM; 70,5% số tiền viện phí tại bệnh viện, 60% số tiền viện phí tại các Trung tâm y tế được thanh toán bằng phương thức TTKDTM.

⁹ Kết quả đánh giá DTI cấp tỉnh năm 2024

- Đối với dịch vụ hành chính công: 100% số tiền phí dịch vụ hành chính công của thành phố và 97,6% số tiền phí dịch vụ hành chính công cấp xã được thanh toán bằng phương thức TTKDTM.

- Đối với dịch vụ chi trả an sinh xã hội: tổng số đối tượng đã có tài khoản và được chi trả qua tài khoản chiếm 96,93% tổng số đối tượng hưởng.

Về công tác dịch vụ thuế điện tử: Triển khai thủ tục kê khai, nộp thuế, thay đổi thông tin đăng ký thuế trên môi trường điện tử trên thiết bị di động Etax Mobile. Tăng cường công tác quản lý thuế đối với hoạt động TMĐT. Tính đến tháng 11/2025, có 39.928/43.130 người nộp thuế đăng ký nộp thuế điện tử trên Etax Mobile (đạt tỷ lệ 93%); đưa vào diện rà soát, quản lý đối với 3.506 hộ cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh có doanh thu từ hoạt động TMĐT; doanh thu lũy kế của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh TMĐT đưa vào diện rà soát, đơn đốc là 5.167.741 triệu đồng thuế phát sinh phải nộp 222.993 triệu đồng.

8.2. Về xã hội số

Thành phố đã triển khai nhiều giải pháp giúp nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân trên địa bàn. Tích cực triển khai hồ sơ điện tử trên ứng dụng VNeID giúp người dân được tiếp cận tốt hơn với y tế. Tổ chức nhiều đợt học tập trên nền tảng mở đại trà, cung cấp các thông tin cảnh báo kịp thời giúp người dân biết được các kỹ năng số cơ bản, phòng tránh lừa đảo trên môi trường mạng. Triển khai ứng dụng Công dân số (Smart Hải Phòng) cung cấp các thông tin chính thống, các tiện ích hữu hiệu cho người dân như phản ánh, kiến nghị, tra cứu hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính, thanh toán tiền điện, tiền nước qua ví MOMO, tra cứu thông tin phạt nguội. Triển khai cuộc thi “Công dân số Hải Phòng – sử dụng thông minh, sống an toàn năm 2025” từ ngày 11/10/2025, đến hết ngày 11/11/2025 có 311.243 người tham gia, 182.268 người đã hoàn thành bài thi.

Xây dựng các quy chế và triển khai các biện pháp bảo vệ các hệ thống thông tin với các chính sách bảo mật mạnh mẽ để bảo vệ dữ liệu và thông tin cá nhân của người dân trên địa bàn. Thường xuyên tổ chức các đợt tập huấn, tuyên truyền, cảnh báo người dân về các thủ đoạn, hành vi lừa đảo trên mạng để người dân nắm được, phòng tránh.

Triển khai hệ thống quản lý y tế tại tất cả các cơ sở y tế trên địa bàn: 100% các bệnh viện công lập triển khai phần mềm quản lý bệnh viện (HIS), 100% các cơ sở khám, chữa bệnh đã kết nối liên thông Giấy khám sức khỏe lái xe, Giấy chứng sinh, Giấy báo tử lên Cổng Giám định BHYT, 100% các cơ sở khám bệnh chữa bệnh BHYT thí điểm số sức khỏe điện tử kết nối dữ liệu liên thông tích hợp với VNeID.

BHXXH thành phố đã kết nối với 435 cơ sở khám chữa bệnh (KCB) BHYT toàn thành phố để tiếp nhận dữ liệu đề nghị thanh toán chi phí KCB BHYT. Hơn 25.000 doanh nghiệp giao dịch điện tử với cơ quan BHXXH thông qua cổng thông

tin điện tử. Nhờ đó, tính minh bạch của thông tin, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát quản lý, sử dụng quỹ BHXH, BHYT, BHTN được nâng cao rõ rệt.

Đẩy mạnh chi trả các chế độ BHXH không dùng tiền mặt: số người hưởng chế độ BHXH hàng tháng qua ATM là 246.408 người, chiếm 98,9% so với tổng số người hưởng.

Thành phố đã hoàn thành “Số hoá hình ảnh và thuyết minh tại 40 điểm tham quan, du lịch trên địa bàn thành phố” góp phần xây dựng hình ảnh thành phố thông minh, thân thiện với công nghệ. Thực hiện gắn mã QR lên biển tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố, tạo mã QR số hóa thông tin gắn tại các di tích xếp hạng (khu vực phía Tây Hải Phòng), Thư viện thành phố, Bảo tàng thành phố. Hoàn thiện Hệ thống Virtual Tour 360 các di tích xếp hạng Quốc gia đặc biệt: Đền Bia, Đền Xưa, Chùa Giám, Văn Miếu Mao Điền; Hoàn thiện, xây dựng Hệ thống hình ảnh 3D 360 quảng bá Quần thể khu di tích Quốc gia đặc biệt An Phụ - Kính Chủ - Nhẫm Dương (giai đoạn 1). Triển khai Chương trình trải nghiệm Tour đêm tại Đình Hàng Kênh trên nền tảng ứng dụng công nghệ số 4.0 và 3D Mapping.

* Tồn tại, hạn chế:

Vẫn còn tình trạng người dân bị lừa đảo trên môi trường mạng như: lừa đảo giả danh công an, tòa án; lừa đảo đầu tư tài chính lãi cao.

9. Công tác tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số

9.1. Ngày Chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

Tổ chức sự kiện thường niên về đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo của thành phố: Techfest Hải Phòng. Trải qua hành trình 8 năm kiến tạo, Techfest Hải Phòng 2025 tiếp tục đồng hành với chủ đề “Sáng tạo không giới hạn - Hải Phòng vươn ra biển lớn” với quy mô trên 170 gian hàng, quy tụ hơn 3.000 doanh nghiệp, nhà quản lý, chuyên gia, quỹ đầu tư. Sự kiện là nơi hội tụ tinh hoa cho các hoạt động đổi mới, sáng tạo, kiến tạo không gian bút phá, chấp cánh cho những ý tưởng táo bạo, thúc đẩy sự phát triển bền vững của cộng đồng doanh nghiệp, đưa Hải Phòng vững vàng vươn tầm, hội nhập cùng biển lớn.

Triển khai Hội nghị về chuyển đổi số với sự tham gia của các chuyên gia chuyển đổi số trong và ngoài nước, giới thiệu các giải pháp, mô hình chuyển đổi số thành công áp dụng cho thành phố. Phát động cuộc thi “Công dân số Hải Phòng – sử dụng thông minh, sống an toàn năm 2025” từ ngày 11/10/2025 đến ngày 11/11/2025, tổng số đã có 311.243 người tham gia. Các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn triển khai nhiều hoạt động hưởng ứng ngày chuyển đổi số quốc gia 10/10 như hội nghị, tập huấn, đợt tuyên truyền, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số vào cuộc sống và phát triển kinh tế.

b) Tồn tại, hạn chế

Các đợt triển khai chiến dịch về chuyển đổi số chưa tạo sức lan tỏa lớn trong nhân dân nhất là tại các vùng nông thôn.

9.2. Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

UBND thành phố triển khai mô hình “Tiếp công dân trực tuyến”, mô hình thí điểm tiếp công dân trực tuyến (theo Quyết định số 3549/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND thành phố), được tổ chức tại Trụ sở UBND thành phố, UBND cấp xã và các địa điểm phù hợp khác, có giá trị pháp lý như tiếp công dân trực tiếp. Khi cần thiết, hệ thống kết nối với Thanh tra Chính phủ, Ban Tiếp công dân Trung ương hoặc các Bộ, ngành liên quan. Công dân tham gia buổi tiếp dân thông qua hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến, sử dụng phần mềm chuyên dụng, bảo đảm an toàn thông tin, dữ liệu và tính pháp lý theo quy định.

Một số xã, phường, đặc khu triển khai cách làm về chuyển đổi số phục vụ cho người dân, doanh nghiệp tốt hơn, điển hình có: Mô hình “đồng hành cùng nhân dân chuyển đổi số” của phường An Biên, thực hiện hỗ trợ người dân trên địa bàn cài đặt và sử dụng ứng dụng di động phục vụ chính quyền số; đăng nhập Cổng dịch vụ công quốc gia; hướng dẫn người dân tra cứu, theo dõi hồ sơ trên Cổng dịch vụ công quốc gia và các thủ tục hành chính khác trên môi trường điện tử; mô hình “Tổ dân phố số” của phường Ngô Quyền.

Hơn 130 sáng kiến về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số, cải cách hành chính đề nghị công nhận hiệu quả áp dụng và khả năng nhân rộng cấp thành phố 2025.

b) Tồn tại, hạn chế:

Các mô hình triển khai hỗ trợ người dân và doanh nghiệp trong nộp hồ sơ giải quyết TTHC cần nhiều nhân lực thực hiện, công việc đôi khi phải làm việc ngoài giờ hành chính, chưa có chính sách hỗ trợ kịp thời đội ngũ này nên việc nhân rộng mô hình còn gặp không ít khó khăn.

9.3. Công tác truyền thông về chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

Công tác tuyên truyền về chuyển đổi số đã được triển khai thường xuyên, liên tục. Báo và Đài phát thanh, Truyền hình Hải Phòng xây dựng chuyên mục Chuyển đổi số trên các nền tảng trực tuyến; Cổng thông tin điện tử thành phố và các trang thành phần của các cơ quan, đơn vị, địa phương có chuyên mục chuyển đổi số, thường xuyên đăng tải thông tin về các hoạt động, sự kiện, tài liệu, mô hình cách làm hay về chuyển đổi số. Trong năm 2025, các cơ quan báo chí đăng tải khoảng 2.550 tin, bài, phóng sự, chuyên đề tuyên truyền về chuyển đổi số. Nội dung tuyên truyền tập trung vào các nội dung sau: tuyên truyền các chủ trương của Đảng, Nhà nước, thành phố về chuyển đổi số; việc triển khai thực hiện các giải pháp đẩy mạnh truyền thông nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp; phản ánh kịp thời những mô

hình cung cấp sản phẩm, dịch vụ số qua mạng bưu chính công cộng, mạng xã hội, ứng dụng công nghệ số vào triển khai chuyển đổi số; Tuyên truyền, hướng dẫn và khuyến khích người dân truy cập Internet, đăng ký tài khoản và sử dụng các dịch vụ số mà trọng tâm là dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ y tế số, giáo dục số, sử dụng các mạng xã hội, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử và khai thác tiện ích, tài nguyên số trên Internet. Hệ thống truyền thanh cơ sở ưu tiên thời lượng phát sóng, tiếp sóng Báo và phát thanh, truyền hình Hải Phòng về chuyển đổi số.

b) Tồn tại, hạn chế:

Việc tuyên truyền để người dân thực hiện được một số kỹ năng khi thao tác trên các hệ thống quản lý của chính quyền còn hạn chế do các kỹ năng số phải thực hiện nhiều bước với tính bảo mật cao, dẫn đến người dân thấy khó thực hiện và không thực hiện được.

10. Kinh phí thực hiện

Năm 2025, UBND thành phố bố trí 331,562 tỷ đồng trong Kế hoạch chuyển đổi số năm 2025 với 59 nhiệm vụ (*chi tiết tại Phụ lục I kèm theo*).

Phần II

NỘI DUNG KẾ HOẠCH NĂM 2026

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;
- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số;
- Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2030, định hướng đến năm 2035;
- Công văn số 5511/BKHCN-CĐSQG ngày 10/10/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2026;
- Công văn số 8177/BKHCN-CĐSQG ngày 30/12/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030;
- Kế hoạch hành động số 12-KH/TU ngày 28/8/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Kế hoạch số 238/KH-UBND ngày 13/9/2025 của UBND thành phố về việc thực hiện Kế hoạch hành động số 12-KH/TU, ngày 26/8/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đẩy mạnh ứng dụng CNTT và phát huy chuyển đổi số để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước. Tập trung nguồn lực để hoàn thành các chỉ tiêu quan trọng trong các Nghị quyết về chuyển đổi số, tạo

nền tảng vững chắc để tăng tốc trong giai đoạn mới. Nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành, đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đáp ứng tốt nhất nhu cầu phục vụ người dân và doanh nghiệp, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh của thành phố.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

Các chỉ tiêu tổng hợp từ Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số; Khung Kế hoạch Chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030 theo Công văn số 8177/BKHCN-CĐSQG ngày 30/12/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ; Kế hoạch số 238/KH-UBND ngày 13/9/2025 của UBND thành phố về việc thực hiện Kế hoạch hành động số 12-KH/TU, ngày 26/8/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, cụ thể:

STT	Tên chỉ tiêu	Kết quả năm 2025	Năm 2026
I	Phát triển hạ tầng		
1	Tỷ lệ phủ sóng 5G trong khu đô thị trên địa bàn thành phố	80%	≥ 80%
2	Tỷ lệ phủ sóng 5G tại các khu công nghiệp, cảng biển, cảng hàng không, khu du lịch, trung tâm thương mại trên địa bàn thành phố.	70%	100%
3	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps/s.	80%	≥ 80%
II	Phát triển chuyển đổi số		
1	Chỉ số CĐS thành phố ¹⁰	0,7857 ¹¹	≥ 0,786
2	Tỷ lệ thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước.		100% (2025-2027)
3	Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp thành phố, cấp xã được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc.	100%	100%
4	Tỷ lệ chế độ báo cáo của các cơ quan được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo.	Ước đạt 80%	100%
5	Tỷ lệ nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, ngành, địa phương được theo dõi, giám sát, đánh giá trên môi trường điện tử.		100%
6	Mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.		Cấp độ 3

¹⁰ Kế hoạch số 238/KH-UBND ngày 13/9/2025 của UBND thành phố

¹¹ Kết quả đánh giá DTI 2024 công bố tháng 10/2025

STT	Tên chỉ tiêu	Kết quả năm 2025	Năm 2026
7	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo kỹ năng số cơ bản		100% (2025-2027)
8	Tỷ lệ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số của sở, ngành, địa phương được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.		50% (2025-2027)
9	Tỷ lệ thủ tục hành chính nội bộ trong từng cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện quản trị nội bộ trên môi trường điện tử		100% (2025-2027)
10	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình thiết yếu được ứng dụng AI trong ít nhất một trong các khâu tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động, nhằm nâng cao hiệu quả, tốc độ và chất lượng phục vụ		100% (2025-2027)
11	Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền.	94,11% ¹²	≥ 95%
12	Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến.	100%	100%
13	Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”.	88,56% ¹³	≥ 89%
14	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.	92,72% ¹⁴	≥ 93%
15	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.	98,17% ¹⁵	≥ 98%
16	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.	83,77% ¹⁶	≥ 84%
17	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến	99,17%	≥ 99%
18	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.		50% (2025-2027)
19	Tỷ lệ hệ thống thông tin của thành phố vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.	40.5%	≥ 41%
20	Tỷ lệ cơ sở dữ liệu của thành phố được số hóa & liên thông tới Trung ương.	92,72%	≥ 93%
21	Tỷ lệ dữ liệu của các sở, ban, ngành thành phố được tích hợp với nền tảng chia sẻ LGSP.	65.71%	≥ 65%

¹² Số liệu VP UBND cung cấp tháng 12/2025 (2.124/2.257)

¹³ Theo dữ liệu trích xuất trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của thành phố

¹⁴ Theo dữ liệu trích xuất trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của thành phố

¹⁵ Theo dữ liệu trích xuất trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của thành phố

¹⁶ Thống kê trên Cổng DVC quốc gia

STT	Tên chỉ tiêu	Kết quả năm 2025	Năm 2026
22	Tích hợp mới 10–15 nhóm dữ liệu từ các sở ngành lên IOC; Tỷ lệ dữ liệu cập nhật thời gian thực hoặc gần thời gian thực lên IOC		$\geq 85\%$
23	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số	100% nộp thuế điện tử, ứng dụng hóa đơn điện tử, ký số...	100%
24	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID)	82% ¹⁷	$\geq 82\%$
25	Tỷ lệ đảng ủy, chính quyền cấp xã sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.	100%	100%
26	Tỷ lệ Quy mô kinh tế số trong GRDP	30% ¹⁸	$\geq 31\%$

III. NHIỆM VỤ

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 (Ban Chỉ đạo), các cấp ủy, chính quyền trong việc triển khai các chủ trương, chính sách của Trung ương và Thành phố về chuyển đổi số; coi chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong phát triển kinh tế - xã hội, cải cách hành chính và xây dựng chính quyền số.

- Phát huy trách nhiệm người đứng đầu các sở, ban, ngành, địa phương trong việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm tra kết quả chuyển đổi số tại đơn vị; gắn kết quả thực hiện chuyển đổi số với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của cá nhân, tập thể.

- Nâng cao hiệu quả điều hành và phối hợp liên ngành giữa các cơ quan, đơn vị trong việc triển khai các nền tảng số, chia sẻ dữ liệu, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, tránh chồng chéo; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chương trình, đề án, dự án chuyển đổi số; định kỳ sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, nhân rộng các mô hình, giải pháp hiệu quả.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân về vai trò, lợi ích của chuyển đổi số; tạo sự đồng thuận, tham gia tích cực của toàn xã hội trong tiến trình xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số tại thành phố Hải Phòng.

¹⁷ Số liệu do Công an thành phố cung cấp

¹⁸ Kết quả đánh giá DTI 2024 công bố tháng 10/2025

2. Thể chế, chính sách số

- Triển khai Nghị định số 179/2025/NĐ-CP quy định về mức hỗ trợ đối với người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng.

+ Đơn vị chủ trì: Sở Nội vụ.

+ Đơn vị phối hợp: các Sở, ban, ngành thành phố, UBND các xã, phường, đặc khu.

+ Thời gian hoàn thành: Tháng 1/2026.

- Xây dựng và triển khai Chính sách hỗ trợ Đội phản ứng nhanh giúp người dân thực hiện giải quyết thủ tục hành chính; Tổ công nghệ số cộng đồng triển khai chương trình “Bình dân học vụ” và tuyên truyền, hướng dẫn người dân nộp hồ sơ trực tuyến”.

+ Đơn vị chủ trì: Sở Nội vụ.

+ Đơn vị phối hợp: Sở Tài chính, UBND các xã, phường, đặc khu.

+ Thời gian hoàn thành: Quý II/2026.

3. Hạ tầng số

- Hạ tầng truyền dẫn băng rộng cố định (cáp quang), hạ tầng 3G, 4G phủ khắp toàn thành phố, mở rộng các trạm phát sóng 5G tại các điểm trung tâm thành phố, các khu công nghiệp, khu kinh tế, cảng biển, khu du lịch trên địa bàn.

+ Đơn vị chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

+ Đơn vị phối hợp: Ban quản lý Khu kinh tế, các doanh nghiệp viễn thông.

+ Thời gian hoàn thành: Thường xuyên.

- Triển khai Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến đồng bộ từ thành phố đến cấp xã

+ Đơn vị chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

+ Đơn vị phối hợp: UBND các xã, phường, đặc khu.

+ Thời gian hoàn thành: Thường xuyên.

- Triển khai hoàn thiện, vận hành, khai thác Trung tâm dữ liệu (DC), Trung tâm giám sát và điều hành thông tin (IOC), Kho dữ liệu dùng chung, Cổng dữ liệu mở, ... và các nền tảng dùng chung bảo đảm phục vụ tốt chỉ đạo điều hành của lãnh đạo thành phố dựa trên dữ liệu số và phát triển kinh tế số, xã hội số.

+ Đơn vị chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

+ Đơn vị phối hợp: các Sở, ban, ngành thành phố, UBND các xã, phường, đặc khu.

+ Thời gian hoàn thành: Thường xuyên.

- Triển khai nâng cấp hạ tầng mạng LAN bảo đảm an toàn thông tin và tốc độ đường truyền phục tốt hoạt động của cơ quan, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã

+ Đơn vị chủ trì: UBND các xã, phường, đặc khu.

+ Đơn vị phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Sở Xây dựng.

+ Thời gian hoàn thành: Quý III/2026.

4. Nhân lực số

Triển khai có hiệu quả các chương trình, kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, thành viên Tổ Công nghệ số cộng đồng, Đội phản ứng nhanh.

+ Đơn vị chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

+ Đơn vị phối hợp: các Sở, ban, ngành thành phố, UBND các xã, phường, đặc khu.

+ Thời gian hoàn thành: Thường xuyên.

5. Phát triển dữ liệu số

- Triển khai xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu theo Chiến lược dữ liệu đã được ban hành.

+ Đơn vị chủ trì: các Sở, ban, ngành thành phố.

+ Đơn vị phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ, UBND các xã, phường, đặc khu.

+ Thời gian hoàn thành: Thường xuyên.

- Triển khai kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa thành phố và các bộ ngành trung ương phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, lãnh đạo thành phố dựa trên dữ liệu số và giải quyết thủ tục hành chính của người dân và doanh nghiệp.

+ Đơn vị chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

+ Đơn vị phối hợp: các Sở, ban, ngành thành phố.

+ Thời gian hoàn thành: Thường xuyên.

6. An toàn thông tin mạng

Nghiên cứu, đầu tư xây dựng Hệ thống Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng.

Triển khai rà soát, củng cố, hoàn thiện phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo hồ sơ đề xuất cấp độ được phê duyệt, phấn đấu bảo đảm 100% hệ thống thông tin được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo hồ sơ đề xuất cấp độ được phê duyệt; tuân thủ nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định.

- Duy trì và nâng cao hiệu quả công tác bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình “4 lớp”, đặc biệt là nâng cao năng lực của lớp giám sát, bảo vệ chuyên nghiệp và kết nối, chia sẻ thông tin với hệ thống giám sát quốc gia, phấn đấu bảo đảm mục tiêu 100% hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức được tổ chức bảo đảm an toàn thông tin thực chất, toàn diện theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông; thực hiện mở rộng phạm vi giám sát, bảo vệ cho 100% hệ thống

thông tin thuộc phạm vi quản lý. 100% các hệ thống thông tin trong cơ quan nhà nước được phê duyệt và triển khai đầy đủ các phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- Tổ chức diễn tập thực chiến an toàn thông tin mạng trong năm 2026, trong đó, bảo đảm có tổ chức diễn tập thực chiến cho các hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên; triển khai đánh giá mức độ trưởng thành của đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng và nâng cao năng lực của đội ứng cứu sự cố (Quyết định số 2029/QĐ-BTTTT ngày 23/10/2023 của Bộ TT&TT ban hành “Mô hình đánh giá mức độ trưởng thành của đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng”).

- Hoàn thiện quy trình, phương án, giải pháp ứng cứu sự cố, sẵn sàng phục hồi nhanh hoạt động của hệ thống thông tin khi gặp sự cố, đưa hoạt động của hệ thống thông tin trở lại bình thường tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đưa hoạt động trở lại bình thường trong vòng 24 tiếng hoặc theo yêu cầu nghiệp vụ, đặc biệt là đối với các hệ thống thông tin, nền tảng số phục vụ người dân và doanh nghiệp).

- Định kỳ thực hiện sao lưu dữ liệu ngoại tuyến "offline". Với chiến lược sao lưu dữ liệu theo nguyên tắc 3-2-1: có ít nhất 03 bản sao dữ liệu, lưu trữ bản sao trên 02 phương tiện lưu trữ khác nhau, với 01 bản sao lưu ngoại tuyến “offline” (sử dụng tape/USB/ổ cứng di động,...). Dữ liệu sao lưu offline phải được tách biệt hoàn toàn, không kết nối mạng, cô lập để phòng chống tấn công leo thang vào hệ thống lưu trữ.

7. Chính quyền số

7.1. Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến

- Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến, xác định mục tiêu phù hợp với điều kiện thực tiễn của cơ quan, đơn vị, phấn đấu đạt các chỉ tiêu của Kế hoạch đề ra.

- Thực hiện rà soát, cập nhật, nâng cấp hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan, đơn vị đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Triển khai các giải pháp để định danh và xác thực người dùng dịch vụ công trực tuyến thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID.

- Tập trung thực hiện tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, bảo đảm cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuận lợi, đơn giản hơn thực hiện trực tiếp trên cơ sở số hóa, tái sử dụng dữ liệu, liên thông điện tử. Khai thác hiệu quả Kho quản lý dữ liệu của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố phục vụ nộp hồ sơ trực tuyến, hạn chế việc người dân phải chứng thực hoặc cung cấp giấy tờ nhiều lần.

7.2. Triển khai quản trị số để nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành thông qua sử dụng các nền tảng số, dữ liệu số

- Phát triển các nền tảng, ứng dụng, dữ liệu số các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị để đưa các hoạt động chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội lên môi trường số, hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp dựa trên dữ liệu, trực tuyến. Bao gồm các lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số theo chương trình chuyển đổi số quốc gia như: y tế, giáo dục, tài chính - ngân hàng, nông nghiệp, giao thông vận tải, logistic, năng lượng, tài nguyên môi trường, sản xuất, lao động việc làm, an sinh xã hội, xuất nhập cảnh, hộ kinh doanh, doanh nghiệp, quản lý di sản, văn hóa,...

- Phát triển, hoàn thiện các hệ thống thông tin báo cáo, hệ thống theo dõi nhiệm vụ; hệ thống thông tin phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành của thành phố, kết nối, tích hợp với các hệ thống do Văn phòng Chính phủ triển khai để phục vụ hoạt động quản lý, điều hành của lãnh đạo thành phố.

- Xây dựng, triển khai các nền tảng, hệ thống, phần mềm theo dõi, quản lý giám sát, đo lường việc triển khai các nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án trong các ngành, lĩnh vực hỗ trợ nâng cao hiệu quả quản lý, thực thi công vụ cho CBCC. Triển khai các hệ thống thông tin thuộc dự án chính quyền số thành phố.

7.3. Triển khai, tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo, trợ lý ảo trong quản lý, điều hành, hỗ trợ hoạt động của cán bộ công chức (CBCC):

- Triển khai Trợ lý ảo (A.I) trong cơ quan nhà nước để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hiệu quả và năng suất lao động.

- Triển khai Ứng dụng và triển khai trí tuệ nhân tạo hỗ trợ kiểm tra văn bản tự động nhằm hỗ trợ cán bộ nhân viên (CBNV) trong các đơn vị hành chính thực hiện quy trình kiểm tra và rà soát chất lượng văn bản trước khi gửi đi một cách nhanh chóng, chính xác và hiệu quả.

8. Kinh tế số và xã hội số

8.1. Kinh tế số

- Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp: phổ cập định danh số; thanh toán điện tử; hóa đơn điện tử; chữ ký số và chứng thực chữ ký số,... trong cơ quan nhà nước, đời sống, các hoạt động kinh tế - xã hội.

- Phát triển doanh nghiệp công nghệ số, đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong doanh nghiệp: phát triển các khu công nghệ thông tin tập trung đặc biệt trên địa bàn thành phố có nguồn nhân lực công nghệ thông tin tốt, hạ tầng năng lượng xanh, tái tạo và có điều kiện giao thông, du lịch thuận tiện; hỗ trợ các doanh nghiệp đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số.

- Triển khai giải pháp đo lường kinh tế số của thành phố Hải Phòng.

- Phát triển thương mại điện tử: Chuyển đổi mô hình hoạt động của các cửa hàng bán lẻ, cửa hàng tạp hoá và chợ truyền thống; các làng nghề thủ công mỹ nghệ dựa trên công nghệ số và dữ liệu số; hình thành liên kết, chuỗi cung ứng số

hoá toàn trình từ khâu phân phối hàng hoá, quản lý kho hàng đến quản trị kinh doanh, thương mại trên các kênh số; Đẩy mạnh công tác quản lý thuế, tiếp tục cung cấp các dịch vụ thuế điện tử hỗ trợ việc kê khai, nộp thuế theo phương thức điện tử, triển khai các giải pháp về hóa đơn điện tử đối với hoạt động thương mại điện tử, livestream bán hàng trên các nền tảng công nghệ số; Xây dựng mô hình quản lý rủi ro đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh thương mại điện tử, livestream bán hàng; đẩy mạnh áp dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để xử lý dữ liệu lớn, đưa ra các cảnh báo đối với trường hợp có rủi ro về thuế; Triển khai triệt để giải pháp hoá đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền đối với dịch vụ ăn uống, chống thất thu thuế, thất thu ngân sách; Ưu tiên phát triển và thúc đẩy sử dụng nền tảng chuyển đổi số lĩnh vực bán buôn, bán lẻ.

- Lĩnh vực nông nghiệp: Phát triển kinh tế số lĩnh vực nông nghiệp chú trọng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác; Đẩy mạnh ứng dụng các giải pháp công nghệ trong sản xuất trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản mang lại năng suất và giá trị kinh tế cao; Tăng cường ứng dụng công nghệ số, các kênh số để kết nối, quảng bá, giới thiệu nông sản từ lúc nuôi trồng đến khâu phân phối, tiêu thụ sản phẩm; Tiếp tục xây dựng và khai thác hiệu quả dữ liệu trong nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Lĩnh vực văn hóa, du lịch: Phát triển kinh tế số du lịch theo hướng ứng dụng công nghệ nhằm tối ưu hóa hoạt động quản trị, vận hành, khai thác, kinh doanh của các cơ sở lưu trú, các danh lam thắng cảnh, các khu du lịch, khu vui chơi, giải trí, các khu bảo tồn di sản văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc; Thông qua một nền tảng quản trị và kinh doanh du lịch dùng chung, giải quyết các bài toán quản trị và kinh doanh du lịch của địa phương và ở tầm quốc gia, mỗi địa phương có số liệu thống kê chính xác, theo thời gian thực về số lượng khách du lịch đến và lưu trú trên địa bàn thành phố; Tổ chức thực hiện việc thu thập, số hóa, hình thành kho dữ liệu và thư viện số cho văn hóa, nghệ thuật của dân tộc, các di sản văn hóa, di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt...; Xây dựng kho dữ liệu lớn và các kịch bản sử dụng dữ liệu về khách du lịch, hành vi tiêu dùng của khách du lịch; dữ liệu lớn về các chương trình du lịch, tua du lịch, cơ sở lưu trú, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch phục vụ việc khai thác sử dụng chung để phát triển du lịch. Phát triển kinh tế số trong lĩnh vực logistics: Phát triển kinh tế số lĩnh vực logistics theo hướng ứng dụng công nghệ nhằm tối ưu chi phí logistics toàn trình, xuyên suốt toàn bộ quá trình vận chuyển hàng hóa từ các cảng biển, cửa khẩu, kho - bãi - cảng tới tận tay người tiêu dùng và ngược lại; Mở rộng dịch vụ thu phí, giá và tiền dịch vụ khác liên quan đến hoạt động giao thông của phương tiện đường bộ thông qua tài khoản giao thông để đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt trong lĩnh vực giao thông vận tải.

- Lĩnh vực công nghiệp sản xuất, chế tạo: Phát triển kinh tế số trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo theo hướng ứng dụng nền tảng số công nghệ

tiên tiến, hiện đại để thực hiện chuyển đổi các nhà máy trở thành các nhà máy thông minh, sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, giảm thiểu phát thải ra môi trường, phù hợp với xu hướng phát triển xanh trên thế giới; Triển khai thí điểm mô hình nhà máy thông minh tại một số nhà máy sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo mà Việt Nam có lợi thế như: dệt may, chế biến nông sản; tự động hóa các khâu của quá trình sản xuất kinh doanh, từ khâu kiểm tra nguyên vật liệu, chế biến, sản xuất, lắp ráp cho tới khâu kiểm soát chất lượng, đóng gói.

- Lĩnh vực tài chính, ngân hàng: Ứng dụng dữ liệu để nâng cao năng lực chống rủi ro tài chính, thúc đẩy phát triển tài chính số, thúc đẩy chia sẻ và lưu thông hiệu quả dữ liệu tín dụng tài chính, dữ liệu tín dụng công và dữ liệu tín dụng thương mại trên cơ sở tuân thủ và an toàn pháp lý, hỗ trợ chia sẻ dữ liệu kiểm soát rủi ro giữa các bên tổ chức tài chính và tích hợp phân tích tài chính dữ liệu đa chiều như thị trường, tài sản tín dụng và xác minh rủi ro phát huy đầy đủ vai trò thúc đẩy của công nghệ tài chính và các yếu tố dữ liệu nhằm hỗ trợ và nâng cao khả năng chống gian lận và chống rửa tiền của các tổ chức tài chính và cải thiện mức độ cảnh báo và phòng ngừa rủi ro.

- Lĩnh vực tài nguyên, môi trường, xanh, bền vững: Tổ chức triển khai việc số hóa, phát triển kho dữ liệu lớn và các kịch bản sử dụng dữ liệu trong lĩnh vực tài nguyên môi trường, bao gồm: nền địa lý quốc gia; đất đai quốc gia; viễn thám; khí tượng thủy văn; biến đổi khí hậu; môi trường; nguồn thải; đa dạng sinh học; tài nguyên nước; địa chất, khoáng sản; tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; quan trắc tài nguyên và môi trường.

8.2. Xã hội số

- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo tổng hợp, đánh giá kết quả giải quyết phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp; phân tích, dự báo điểm nóng về trật tự an toàn xã hội trên địa bàn thành phố thông qua phản ánh, kiến nghị của người dân trên môi trường số.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền tới người dân, doanh nghiệp sử dụng ứng dụng công dân số (Smart Hải Phòng), ứng dụng VNeID. Triển khai thực hiện tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân trên môi trường số.

- Triển khai hoạt động của tổ công nghệ số cộng đồng, thực hiện phương châm “đi từng ngõ, gõ từng nhà”, hướng dẫn người dân nộp hồ sơ trực tuyến, tuyên truyền, hướng dẫn người dân các kỹ năng số cơ bản.

9. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số, bảo đảm an toàn thông tin

- Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2025.

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền sâu rộng, bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú; Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm hay về chuyển đổi số; truyền tải các tài liệu, tư liệu phục vụ chuyển đổi

số toàn diện trên tất cả các lĩnh vực đến tới tất cả các cơ quan, đơn vị, địa phương và người dân. Tuyên truyền lợi ích và cách sử dụng dịch vụ công trực tuyến, các kỹ năng số cơ bản, sử dụng dịch vụ số an toàn nhằm phát triển văn hóa số, công dân số góp phần tích cực phát triển kinh tế- xã hội.

(Danh mục nhiệm vụ cụ thể trong các Phụ lục kèm theo)

IV. GIẢI PHÁP

1. Phát huy, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành chuyển đổi số

Phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chỉ đạo thành phố về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 gắn kết với cải cách hành chính; ban hành chương trình, kế hoạch hoạt động, kiểm tra, đánh giá chỉ đạo của Ban Chỉ đạo. Thay đổi tư duy từ quản lý truyền thống sang quản trị dựa trên dữ liệu, giúp công tác lãnh đạo, chỉ đạo ra quyết định chính xác hơn dựa trên dữ liệu số.

2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, bồi dưỡng kỹ năng số cho CBCC, người dân, doanh nghiệp

Các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân thành phố các xã, phường, đặc khu tiếp tục triển khai, quán triệt nội dung Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 26/10/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy về Chuyển đổi số thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Kế hoạch số 238/KH-UBND ngày 13/9/2025 của UBND thành phố trong toàn thể đội ngũ cán bộ đảng viên, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý làm chuyển biến nhận thức và quyết tâm cao của các ngành, các cấp.

- Công tác tuyên truyền cần được tiến hành với quy mô sâu rộng với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, hấp dẫn và phù hợp với từng đối tượng, kết hợp với việc tuyên truyền thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố gắn với từng giai đoạn, tạo nhận thức sâu sắc về cơ hội, thuận lợi, thách thức, cũng như những yếu tố tiềm năng, lợi thế, vị thế của Thành phố để tiếp tục tạo ra sự bứt phá mới của thành phố Hải Phòng trong những năm tới.

- Tăng cường và nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ truyền thông mới, mạng xã hội trong công tác quán triệt, tuyên truyền, phổ biến thông tin và triển khai thực hiện Nghị quyết.

- Tổ chức tuyên truyền về chuyển đổi số, ứng dụng số, kỹ năng số cho người dân trên các nền tảng truyền thông của thành phố.

3. Phát triển, thu hút nguồn nhân lực chuyển đổi số

- Bao gồm các hoạt động nhằm thu hút, đa dạng hóa nguồn lực (tài chính và nhân lực) để chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng.

- Nguồn lực được coi là giải pháp quan trọng, cốt lõi để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số nhằm thực hiện thành công mục tiêu chuyển đổi số của quốc gia. Do đó, bộ, ngành, địa phương cần ưu tiên, có phải pháp cụ thể bảo đảm nguồn lực, nhất là tài chính để thực hiện thành công mục tiêu kế hoạch. Biện pháp thu

hút nhân lực; bồi dưỡng, phát triển nhân lực tại chỗ bằng các chính sách đãi ngộ trong tuyển dụng, chuyển ngành nâng ngạch,...

- Hợp tác với các cơ quan, tổ chức liên quan, doanh nghiệp công nghệ để thu hút chuyên gia, nguồn lực, tìm hiểu giải pháp, công nghệ phục vụ chuyển đổi số, phát triển các ngành, lĩnh vực đang có xu hướng phát triển nhu dữ liệu, bán dẫn,...

4. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

Bao gồm các hoạt động như nghiên cứu, đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ số vào triển khai chuyển đổi số như điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối,...

5. Đảm bảo nguồn lực tài chính

Bố trí, sử dụng nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước, các nguồn hợp pháp khác theo quy định; có quy định, quy trình quản lý, sử dụng hiệu quả.

6. Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức nghiên cứu trong nước và quốc tế

Bao gồm các hoạt động hợp tác quốc tế trong chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng (thăm quan, học tập, chia sẻ kinh nghiệm; tham gia các tổ chức quốc tế, các sáng kiến quốc tế; tăng cường mối quan hệ hợp tác quốc tế, đồng thời quảng bá, tạo thị trường cho các sản phẩm, dịch vụ Chính phủ số của các doanh nghiệp số Việt Nam;...).

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ngân sách thành phố bảo đảm kinh phí cho các việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số cho các ứng dụng dùng chung của thành phố.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu tăng cường bố trí kinh phí, chủ động triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số tại địa phương, phù hợp chủ trương, định hướng của thành phố.

3. Huy động nguồn lực của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và các nguồn kinh phí hợp pháp khác thông qua các chính sách khuyến khích, thu hút doanh nghiệp công nghệ số đầu tư phát triển chuyển đổi số để thực hiện Kế hoạch.

(Danh mục các nhiệm vụ tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch)

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06

Ban Chỉ đạo của thành phố về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch Chuyển đổi số thành phố Hải Phòng năm 2026. Định hướng triển khai các nhiệm vụ trên địa bàn thành phố, thực hiện phát triển Chuyển đổi số, đô thị thông minh và bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn thành phố.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra và phối hợp với các cấp, các ngành thực hiện Kế hoạch này. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 thành phố chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số, đô thị thông minh và bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn thành phố.

3. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ cùng các sở, ngành liên quan đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố bố trí vốn đầu tư công, kinh phí chi thường xuyên cho các dự án ứng dụng công nghệ thông tin triển khai Chuyển đổi số thành phố.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ đôn đốc các cơ quan, đơn vị triển khai các dự án đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư công bảo đảm đúng tiến độ.

4. Sở Nội vụ

- Chủ trì phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức xây dựng và thực hiện các giải pháp nhằm kết hợp chặt chẽ việc triển khai Kế hoạch này với Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước thành phố. Đẩy mạnh việc triển khai thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại các cơ quan hành chính nhà nước trong thành phố.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo phụ trách công nghệ thông tin các cấp; xây dựng các chương trình nâng cao nhận thức, phổ cập kiến thức về công nghệ thông tin và khai thác thông tin trên Internet, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) cho các cán bộ, công chức, viên chức của thành phố.

- Chủ trì xây dựng quy định về thi đua khen thưởng: Đưa kết quả triển khai ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước là một trong những tiêu chí xét thi đua hàng năm.

5. Công an thành phố

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị liên quan triển khai các giải pháp bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin, phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao; phối hợp chặt chẽ trong việc kết nối, xác thực và bảo đảm an toàn, an ninh cho việc khai thác dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

6. Các Sở, ban, ngành thành phố, UBND các xã, phường, đặc khu

- Chủ động tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch Chuyển đổi số thành phố, bảo đảm thực hiện tốt các mục tiêu đã đặt ra. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của ngành, đơn vị, địa phương, xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số cho đơn vị, địa phương mình, hoàn thành trong tháng 1/2026.

- Triển khai hiệu quả hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng và Tổ công tác đề án 06/CP tại đơn vị, địa phương để phổ cập kỹ năng số cho người dân thực

hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế - xã hội. Hỗ trợ, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến; biết mua, bán các sản phẩm, dịch vụ qua mạng; biết thanh toán không dùng tiền mặt; biết sử dụng các dịch vụ số thiết yếu phục vụ cuộc sống (y tế, giáo dục, liên lạc, đi lại, du lịch, đọc sách, giải trí,...); biết áp dụng các giải pháp an toàn, bảo mật thông tin cơ bản để tự bảo vệ mình và bảo vệ dữ liệu cá nhân trên không gian mạng. Xây dựng và triển khai các giải pháp phù hợp để thông tin, tuyên truyền nhằm hỗ trợ, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến; biết mua, bán các sản phẩm, dịch vụ qua mạng.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và ứng dụng công nghệ thông tin của đơn vị. Trong quá trình thực hiện cần bám sát theo hướng dẫn tại Văn bản số 4577/BKHCN-CĐSQG ngày 11/9/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn triển khai các nền tảng số dùng chung toàn quốc để đảm bảo triển khai thống nhất, dùng chung, tránh triển khai chồng chéo, trùng lặp. Đồng thời, triển khai các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước bảo đảm tuân thủ quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019, Nghị định 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ. Đối với các nhiệm vụ phải lập dự án, giao các cơ quan chủ trì nhiệm vụ lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trước Quý II/2026 và thực hiện các thủ tục về đầu tư theo quy định của pháp luật.

- Vận hành, khai thác hiệu quả hệ thống thông tin dùng chung, chuyên ngành của thành phố và các cơ quan, đơn vị.

Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời phản ánh bằng Văn bản (về Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp), báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, chỉ đạo giải quyết. /

Nơi nhận:

- Bộ: KHCN;
- VPCP; VPTWĐ;
- TTTU; TT HĐND TP;
- CT, PCT Hoàng Minh Cường;
- Các Sở, ban, ngành TP;
- UBND cấp xã;
- CVP, PCVP Phạm Anh Tuấn;
- Phòng: VX, TC, NV&KTGS;
- Trung tâm Phục vụ HCC TP;
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT, N.Đ.Thắng,

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Minh Cường

Phụ lục I
NHIỆM VỤ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NĂM 2025
(Kèm theo Kế hoạch số **359** /KH-UBND ngày **31** / **12** /2025 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí	Dự toán được duyệt	Kinh phí thực hiện
	Tổng					331.562
I	NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN					206.461
1	Mua bản quyền phần mềm MS Office cho các cơ quan nhà nước thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ	2025	6.500	6.500	6.500
2	Ứng dụng công nghệ viễn thám, GIS và trí tuệ nhân tạo phục vụ quản lý không gian thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ	2023-2026	29.770	29.770	9.784
3	Thuê dịch vụ hạ tầng điện toán đám mây phục vụ triển khai chính quyền số thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ	2023-2025	9.772	9.772	4.100
4	Tổ chức Đoàn công tác của Ban chỉ đạo chuyển đổi số thành phố đi học tập kinh nghiệm tại một số đơn vị, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	2025	500	500	500
5	Thuê hệ thống Hội nghị truyền hình cho UBND cấp xã, phường và đặc khu (phòng hội trường)	Sở Khoa học và Công nghệ	2025-2028	61.000	61.000	570
6	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin phần mềm giám sát, quản lý thông tin trên mạng Internet, mạng xã hội, báo chí trong và ngoài nước	Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy	Thuê dịch vụ 03 năm (2024-2026)	1.645	1.645	593
7	Triển khai đề án ký số ngành giáo dục đáp ứng yêu cầu số hóa sổ điểm điện tử, học bạ điện tử của ngành.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Thuê dịch vụ 03 năm (2023-2025)	12.414	12.414	4.105
8	Triển khai CSDL tuyển sinh đầu cấp ngành Giáo dục thành phố	Sở Giáo dục và Đào tạo	Thuê dịch vụ 03 năm (2024-2026)	8.080	8.080	2.294
9	Triển khai hệ thống Cổng thông tin điện tử ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố (Cổng chính và 800 cổng thành phần, bảo đảm kết nối với Cổng thành phố)	Sở Giáo dục và Đào tạo	Thuê dịch vụ 05 năm (2024-2028)	7.914	7.914	1.852
10	Tổng đài 1022	VP UBNDTP	Thuê dịch vụ 03	5.696	5.696	1.901

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí	Dự toán được duyệt	Kinh phí thực hiện
			năm (2023-2025)			
11	Xây dựng cơ sở dữ liệu kinh tế - xã hội thành phố Hải Phòng	Sở Tài chính	Thuê dịch vụ 03 năm (2023-2025)	1.622	1.622	526,2
12	Xây dựng hệ thống quản lý dữ liệu các dự án đầu tư ngoài ngân sách nhà nước thành phố Hải Phòng	Sở Tài chính	Thuê dịch vụ 03 năm (2023-2025)	1.223	1.223	367,4
13	Triển khai Hệ thống phần mềm Quản lý Y tế cơ sở	Sở Y tế	Thuê dịch vụ 05 năm (2023-2027)	8.809	8.809	1.727
14	Thuê dịch vụ triển khai hồ sơ bệnh án điện tử và Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin tại các cơ sở y tế công lập trực thuộc Sở Y tế	Sở Y tế	Thuê dịch vụ 05 năm (2025-2029)	397.954	397.954	153.488
15	Kỳ họp số di động HDND thành phố	Văn phòng Đoàn ĐBQH&HDND thành phố	Thuê dịch vụ 05 năm (gói phần mềm, 2022-2026)	9.417	9.417	753
16	Nâng cao năng lực trung tâm quản lý điều hành giao thông, đô thị thông minh.	Sở Xây dựng	Thuê dịch vụ 05 năm (2023-2029)	118.084	118.084	16.000
17	Triển khai hệ thống thông tin nguồn	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	2024-2026	3.879	3.879	1.293
18	Triển khai các hệ thống phục vụ quản trị, điều hành, giảng dạy và học tập tại Trường Chính trị Tô Hiệu	Trường Chính trị Tô Hiệu	Thuê dịch vụ 05 năm (2025-2030)	11.525	11.525	107
II	DANH MỤC NHIỆM VỤ HOÀN THÀNH TRONG NĂM 2025					57.333
II.1	Nguồn CNTT					34.733
1	Triển khai phần mềm “Chuyên ngành tổ chức xây dựng Đảng”	Ban Tổ chức Thành uỷ	2025-2029	3.000	3.000	39
2	Xây dựng phần mềm Theo dõi tiến độ giải ngân đầu tư công và theo dõi kịch bản phát triển kinh tế xã hội.	Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố	2025	3.000	3.000	3.000
3	Xây dựng chiến lược dữ liệu thành phố Hải Phòng	Sở Khoa học và Công nghệ	2025	500	500	500
4	Kiểm toán các nhiệm vụ chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	2025	1.000	1.000	1.000

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí	Dự toán được duyệt	Kinh phí thực hiện
5	Số hóa và quản lý giám sát hoạt động khai thác tài nguyên khoáng sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2025	1.500	1.500	1.500
6	Hệ thống thông tin môi trường, cơ sở dữ liệu môi trường; hệ thống thông tin báo cáo về môi trường của thành phố Hải Phòng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2023-2025	8.526	8.526	5.100
7	Ứng dụng giải pháp công nghệ để thanh toán giá dịch vụ trông giữ xe không sử dụng tiền mặt, thu phí tự động không dừng tại bãi đỗ xe khu di tích Côn Sơn	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2025	1.341	1.341	1.341
8	Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin công chứng	Sở Tư pháp	2024-2025	9.054	9.054	4.603
9	Chỉnh lý, số hóa cơ sở dữ liệu lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tài chính	2024-2025	7.717	7.717	5.913
10	Số hóa và quản lý cơ sở dữ liệu hệ thống lưới điện hiện trạng từ cấp điện áp 110kV trở lên trên địa bàn thành phố Hải Phòng”	Sở Công thương	2023-2025	6.192	6.192	1.232
11	Xây dựng phần mềm tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ	Bộ Chỉ huy quân sự thành phố	2025	2.000	2.000	2.000
12	Mua sắm thiết bị phục vụ thực hiện Đề án 06/CP của Chính Phủ	Công an thành phố	2025	2.056	2.056	2.056
13	Triển khai bản đồ số "Thanh niên Hải Phòng vì một Việt Nam xanh"	Thành đoàn Hải Phòng	2024-2025	342	342	68
14	Triển khai bản tin số "Thanh niên Hải Phòng khởi nghiệp”	Thành đoàn Hải Phòng	2024-2025	604	604	121
15	Nâng cấp, mở rộng tính năng và ứng dụng triển khai trợ lý ảo (AI) phục vụ công tác điều hành của Ban Quản lý khu kinh tế trên hệ thống quản trị và điều hành E-Heza	Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng	2025	6.260	6.260	6.260
II.2	Nguồn quỹ phát triển của đơn vị			22.600	22.600	22.600
1	Thuê hệ thống phần mềm chuyển đổi số tại Bệnh viện đa khoa Hải Dương giai đoạn 2025-2028.	Bệnh viện đa khoa Hải Dương	2025-2028	19.700	19.700	19.700
2	Xây dựng phần mềm phục vụ công tác quản trị, quản lý và tổ chức đào tạo của Trường đại học Hải Dương.	Đại học Hải Dương	2025	2.900	2.900	2.900

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí	Dự toán được duyệt	Kinh phí thực hiện
III	DANH MỤC NHIỆM VỤ NGUỒN SỰ NGHIỆP CNTT					36.712
1	Thuê đường truyền Leased Line Internet phục vụ vận hành Hệ thống Hội nghị truyền hình thành phố; Thuê đường truyền Leasedline internet phục vụ vận hành Trung tâm dữ liệu thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ	2025	480	480	480
2	Tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức, tổ công nghệ số cộng đồng về chuyển đổi số; Tập huấn vận hành Hệ thống chính quyền số thành phố; Tập huấn ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), tự động hóa trong cơ quan nhà nước	Sở Khoa học và Công nghệ	2025	2.000	2.000	2.000
3	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin Ứng dụng AI nâng cao hiệu quả công tác giải quyết phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Thuê dịch vụ 5 năm (2025-2030)	101	101	101
4	Chi phí duy trì bản quyền Window Server 2019, Office 2016 phục vụ Kho dữ liệu cho công dân, tổ chức thuộc dự án Chính quyền số; Chi phí duy trì tài khoản Apple Dev	Sở Khoa học và Công nghệ	2025	103	103	103
5	Quản trị, vận hành các Hệ thống: Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thành phố; Chuyên trang Chuyển đổi số thành phố Hải Phòng; Cổng Thông tin điện tử về Hiệp định thương mại tự do thành phố Hải Phòng; Hệ thống quản lý mã độc tập trung; Hệ thống Thông tin nguồn	Sở Khoa học và Công nghệ	2025	800	800	800
6	Quản trị, vận hành Dự án chính quyền số thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ	2025	2.000	2.000	2.000
7	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin “Triển khai hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính” và tập huấn khai thác, quản trị vận hành, cài đặt cấu hình	Sở Khoa học và Công nghệ	Thuê dịch vụ 5 năm (2024-2029)	11.757	11.757	1.584
8	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin “Bảo đảm an toàn hệ	Sở Khoa học và	Thuê dịch vụ 3	11.601	11.601	3.715

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí	Dự toán được duyệt	Kinh phí thực hiện
	thống thông tin cấp độ 3 đối với Trung tâm dữ liệu thành phố Hải Phòng”	Công nghệ	năm (2024-2027)			
9	Tổ chức diễn đàn ngày chuyển đổi số thành phố Hải Phòng	Sở Khoa học và Công nghệ	2025	1.500	1.500	1.000
10	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin bổ sung tính năng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu của Bộ Khoa học và Công nghệ và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ	Thuê dịch vụ 4 năm (2025-2028)			229
11	Thuê Hệ thống báo cáo hiệu năng hoạt động Hạ tầng CNTT	Sở Khoa học và Công nghệ	Thuê dịch vụ 3 năm	6.000	6.000	1.000
12	Thuê đường truyền số liệu chuyên dùng cấp thành phố, cấp phường, cấp xã, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ	Thuê dịch vụ 3 năm	7.500	7.500	2.000
13	Thuê hệ thống Hội nghị truyền hình cho UBND cấp xã, phường và đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ	Thuê dịch vụ 3 năm			2.000
14	Thuê hệ thống điều hành thông minh IOC TP Hải Phòng	Sở Khoa học và Công nghệ	Thuê dịch vụ 3 năm	7.500	7.500	2.000
15	Thuê hệ thống Kho dữ liệu dùng chung tỉnh Hải Dương (Dùng hợp đồng, thanh toán khối lượng hoàn thành)	Sở Khoa học và Công nghệ	Thanh toán khối lượng			2.500
16	Thuê dịch vụ giám sát an toàn, an ninh thông tin cho Trung tâm dữ liệu của thành phố tại Trung tâm Văn hóa Xứ Đông	Sở Khoa học và Công nghệ	Thuê dịch vụ 3 năm			3.200
17	Thuê dịch vụ đánh giá an toàn thông tin độc lập cho Trung tâm dữ liệu của thành phố tại Trung tâm Văn hóa Xứ Đông	Sở Khoa học và Công nghệ	Thuê dịch vụ 3 năm	6.000	6.000	2.500
18	Duy trì, vận hành Trung tâm dữ liệu của thành phố tại Trung tâm Văn hóa Xứ Đông	Sở Khoa học và Công nghệ	2025			1.500
19	Tổ chức ngày Chuyển đổi số của thành phố (26/3) và hưởng ứng ngày chuyển đổi số Quốc gia (10/10)	Sở Khoa học và Công nghệ	2025			500
20	Thuê phần mềm Quản lý công việc và theo dõi triển khai thực hiện Nghị quyết 57 của Bộ Chính trị	Sở Khoa học và Công nghệ	Thuê dịch vụ 3 năm	3.500	3.500	500

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Nhu cầu kinh phí	Dự toán được duyệt	Kinh phí thực hiện
21	Thuê hạ tầng và gia hạn bản quyền phần mềm Trung tâm dữ liệu thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ	Thuê dịch vụ 3 năm	20.000	20.000	5.000
22	Thuê dịch vụ Bảo trì thiết bị tại Trung tâm dữ liệu tại Xứ Đông	Sở Khoa học và Công nghệ	Thuê dịch vụ 3 năm	9.000	9.000	1.500
23	Di chuyển, cài đặt lại Trung tâm dữ liệu, hệ thống giao ban (Tây Hải Phòng)	Sở Khoa học và Công nghệ	2025			500
IV	NHIỆM VỤ NGUỒN ĐẦU TƯ CÔNG					31.056
1	“Triển khai nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin trong các cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố giai đoạn 2022 - 2025”	Sở Khoa học và Công nghệ	2022-2025	31.236	31.236	31.056

Phụ lục II**DANH MỤC NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ CHUYỂN TIẾP NĂM 2026**

(Kèm theo Kế hoạch số 359 /KH-UBND ngày 31 / 12 /2025 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Dự toán được duyệt	Nhu cầu kinh phí năm 2026	Dự kiến phân bổ năm 2026	Ghi chú
I	Sở Khoa học và Công nghệ		102.371	33.784	18.784	
1	Thuê hệ thống Hội nghị truyền hình cho UBND cấp xã (phòng hội trường)	2025-2028	61.000	20.000	5.000	
2	Ứng dụng công nghệ viễn thám, GIS và trí tuệ nhân tạo phục vụ quản lý không gian thành phố	2023-2026	29.770	9.784	9.784	
3	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin “Bảo đảm an toàn hệ thống thông tin cấp độ 3 đối với Trung tâm dữ liệu thành phố Hải Phòng” (phía Đông Hải Phòng)	Thuê dịch vụ 3 năm (2024-2027)	11.601	4.000	4.000	
II	Ban Tổ chức Thành ủy		3.000	600	600	
1	Triển khai phần mềm “Chuyên ngành tổ chức xây dựng Đảng”	2025-2029	3.000	600	600	
III	Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy		1.645	593	593	
1	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin phần mềm giám sát, quản lý thông tin trên mạng Internet, mạng xã hội, báo chí trong và ngoài nước	Thuê dịch vụ 03 năm (2024-2026)	1.645	593	593	
IV	Văn phòng Đoàn ĐBQH&HDND thành phố		9.417	753	753	
1	Kỳ họp số di động HDND thành phố	Thuê dịch vụ 05 năm (gói phần mềm, 2022-2026)	9.417	753	753	Quyết định số 1575/QĐ-UBND ngày 25/5/2022 của UBND TP về phê duyệt Đề cương và dự toán chi tiết
V	Văn phòng UBND thành phố		1585	1.585	1585	

TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Dự toán được duyệt	Nhu cầu kinh phí năm 2026	Dự kiến phân bổ năm 2026	Ghi chú
1	Tổng đài 1022		1585	1.585	1.585	Quyết định số 4071/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 về phê duyệt Kế hoạch thuê
VI	Sở Xây dựng		118.084	16.000	16.000	
1	Nâng cao năng lực trung tâm quản lý điều hành giao thông, đô thị thông minh	Thuê dịch vụ 05 năm (2023-2029)	118.084	16.000	16.000	Quyết định số 2397/QĐ- UBND ngày 16/7/2024 về việc phê duyệt Kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin
VII	Sở Y tế		391.265	126.428	126.428	
1	Thuê dịch vụ triển khai hồ sơ bệnh án điện tử và Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin tại các cơ sở y tế công lập trực thuộc Sở Y tế	Thuê dịch vụ 05 năm (60 tháng)	391.265	126.428	126.428	
VIII	Sở Giáo dục và Đào tạo		15.994	3.023	3.023	
1	Triển khai CSDL tuyển sinh đầu cấp ngành Giáo dục thành phố	Thuê dịch vụ 03 năm (2024-2026)	8.080	1.523	1.523	2525/QĐ-UBND ngày 21/8/2023
2	Triển khai hệ thống Cổng thông tin điện tử ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố (Cổng chính và 800 cổng thành phần, bảo đảm kết nối với Cổng thành phố)	Thuê dịch vụ 05 năm (2024-2028)	7.914	1.442	1.442	4187/QĐ-UBND ngày 05/12/2023
3	Triển khai đề án ký số ngành giáo dục đáp ứng yêu cầu số hóa sổ điểm điện tử, học bạ điện tử của ngành.	Thuê dịch vụ 03 năm (2023-2025)		58	58	1142/QĐ-UBND ngày 04/5/2023
IX	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch		3.879	1.293	1.293	
1	Triển khai hệ thống thông tin nguồn	2024-2026	3.879	1.293	1.293	Quyết định số 416/QĐ-STTTT ngày 3/12/2024

TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Dự toán được duyệt	Nhu cầu kinh phí năm 2026	Dự kiến phân bổ năm 2026	Ghi chú
X	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026	380	380	380	
1	Thuê phần mềm quản lý dữ liệu sản phẩm Ocop	2026	380	380	380	
	TỔNG		647.620	184.439	169.439	

Phụ lục III
DANH MỤC NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ THỰC HIỆN NĂM 2026 (MỚI)
(Kèm theo Kế hoạch số 359 /KH-UBND ngày 31 /12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Dự toán kinh phí	Đơn vị đề xuất bố trí năm 2026	Dự kiến phân bổ kinh phí đợt 1 năm 2026	Ghi chú
I	Sở Khoa học và Công nghệ		407.328	91.077	20.979	
1	Nâng cấp mạng Lan, Internet và giao ban trực tuyến khối Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ	2026	2.500	2.500	2.500	
2	Triển khai hệ thống quản lý, khai thác dữ liệu không gian địa lý phục vụ mục tiêu xây dựng hệ thống (GIS) dùng chung toàn thành phố Hải Phòng	2026	22.098	22.098	10.000	
3	Thuê dịch vụ hạ tầng điện toán đám mây phục vụ triển khai chính quyền số thành phố	2026-2030	200.000	20.000	1.000	
4	Nâng cấp Trung tâm dữ liệu Xứ Đông	2026	15.000	15.000	1.000	
5	Thuê hệ thống quản lý và tra cứu tiêu chuẩn, đo lường chất lượng thành phố Hải Phòng	2026-2030	9.000	2.000	500	
6	Thuê dịch vụ đảm bảo an toàn thông tin cho các xã, phường, đặc khu	2026-2028	34.200	12.000	500	
7	Thuê Hệ thống tổng hợp Quản lý, phân tích dữ liệu số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành cấp xã trên địa bàn thành phố	2026-2028	15.000	5.000	500	
8	Thuê phần mềm Hợp không giấy tờ cho các xã, phường, đặc khu	2026-2030	14.000	2.000	500	
9	Tuyên truyền Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	2026	4.000	4.000	3.000	
10	Xây dựng khung kiến trúc số thành phố Hải Phòng	2026	479	479	479	
11	Thuê Hệ thống wifi công cộng và phần mềm quản lý tập trung, quản lý giám sát cho Nhà văn hóa xã, phường, đặc khu	2026-2030	76.051	1.000	500	

TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Dự toán kinh phí	Đơn vị đề xuất bố trí năm 2026	Dự kiến phân bổ kinh phí đợt 1 năm 2026	Ghi chú
12	Thuê hệ thống “Bàn làm việc số” thành phố Hải Phòng	2026-2028	15.000	5.000	500	
II	Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố		5.650	5.650	1.500	
1	Xây dựng module quản lý các dự án ngoài ngân sách vào hệ thống phần mềm Theo dõi tiến độ giải ngân đầu tư công và theo dõi kích bản phát triển kinh tế xã hội	2026	2.000	2.000	500	
2	Nâng cấp hệ thống phần mềm Văn phòng điện tử HPeOffice	2026	3.100	3.100	500	
3	Thuê dịch vụ Bảo đảm an toàn hệ thống thông tin cấp độ 3	2026	550	550	500	
III	Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND thành phố		1.227	1.227	1.227	
1	Nâng cấp Công thông tin điện tử Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố	2026	1.227	1.227	1.227	
IV	Sở Xây dựng		20.000	20.000	1.000	
1	Xây dựng hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu và ứng dụng chuyên ngành - giai đoạn 1 (ứng dụng mô hình thông tin công trình BIM)	2026	2.000	2.000	500	
2	Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu đô thị liên thông trên nền GIS phục vụ phát triển đô thị thông minh	2026	18.000	18.000	500	
V	Sở Nông nghiệp và Môi trường		22.838	22.838	1.500	
1	Xây dựng ứng dụng di động quản lý, giám sát hoạt động khai thác khoáng sản và dịch vụ lắp đặt, tích hợp giám sát tập trung dữ liệu camera, dữ liệu trạm cân và dữ liệu định vị phương tiện khai thác, phương tiện vận chuyển hoạt động khai thác khoáng sản trên toàn thành phố	2026	10.600	10.600	500	
2	Triển khai hệ thống camera cảnh báo cháy rừng	2026	9.000	9.000	500	
3	Xây dựng hệ thống thông tin môi trường, cơ sở dữ liệu môi trường; hệ thống thông tin báo cáo về môi trường thành phố Hải Phòng (giai đoạn 2)	2026	3.238	3.238	500	
VI	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		15.465	15.465	1.000	
1	Xây dựng Trang thông tin điện tử Thư viện thành phố Hải Phòng	2026	500	500	500	
2	Chuyển đổi số trong trưng bày tại Bảo tàng Hải Phòng	2026	14.965	14.965	500	
VII	Sở Ngoại vụ		1.300	1.300	1.300	

TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Dự toán kinh phí	Đơn vị đề xuất bố trí năm 2026	Dự kiến phân bổ kinh phí đợt 1 năm 2026	Ghi chú
1	Trang bị hệ thống thiết bị và hạ tầng kỹ thuật phục vụ họp trực tuyến, đàm phán với đối tác quốc tế	2026	1.300	1.300	1.300	
VIII	Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng		9.120	2.450	500	
1	Chỉnh lý, số hóa tài liệu Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng (tài liệu thuộc Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hải Dương cũ)	2026-2027	9.120	2.450	500	
IX	Hội liên hiệp văn học nghệ thuật thành phố Hải Phòng		3.000	3.000	500	
1	Xây dựng phần mềm Tòa soạn điện tử Tạp chí Cửa Biển	2026	3.000	3.000	500	
X	Trường Chính trị Tô Hiệu		1.500	1.500	1.500	
1	Triển khai các hệ thống phục vụ quản trị, điều hành, giảng dạy học tập tại Trường Chính trị Tô Hiệu	2026	1.500	1.500	1.500	
XI	Trường Đại học Hải Phòng		12.055	12.055	1.000	
1	Triển khai hệ thống quản trị đại học Trường Đại học Hải Phòng	2026	12.055	12.055	1.000	
XII	Bộ chỉ huy Quân sự thành phố Hải Phòng		31.325	31.325	31.325	
1	Đầu tư mua sắm hệ thống chỉ đạo điều hành Bộ Chỉ huy quân sự thành phố Hải Phòng	2026	31.325	31.325	31.325	
XIII	Công An thành phố Hải Phòng		22.000	22.000	22.000	
1	Thuê giám sát bảo đảm an toàn, an ninh mạng SOC cho các hệ thống thông tin trên địa bàn thành phố	2026	15.000	15.000	15.000	
2	Xây dựng, nâng cấp, mở rộng hạ tầng mạng nội bộ cho 80 Công an cấp xã trên địa bàn thành phố	2026	7.000	7.000	7.000	
	TỔNG CỘNG		552.808	229.887	85.331	

